

Bản án số: 41/2022/HSST
Ngày 26-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng, bà Bùi Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2022/HSST ngày 05-7-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/QĐXXST- HS ngày 13-7-2022, đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 1x tháng x năm 197x tại tỉnh YB; giới tính: Nam, hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HP, phường HH, thành phố YB, tỉnh YB; chỗ ở: Tổ dân phố HP1, phường HH, thành phố YB, tỉnh YB; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn V, sinh năm: 193x và bà: Hoàng Thị H (đã chết); vợ: Vũ Ngọc H, sinh năm: 197x (đã ly hôn); con: có 01 con, sinh năm 199x; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1989, bị Tòa án nhân dân thị xã Yên Bái xử phạt 36 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 19/HSST ngày 27-7-1989, tại bản án số 41/HSPT ngày 21-10-1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn bác đơn kháng cáo không hợp lệ của Phạm Ngọc D, giữ nguyên án sơ thẩm. Năm 1995, bị Tòa án nhân dân thị xã Yên Bái xử phạt 06 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng theo Bản án số 46 ngày 26-8-1995. Năm 2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 15 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại bản án số 105/HSST ngày 26-12-2000. Năm 2019: Bị Công an thành phố Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe

người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPVPHC ngày 30-01-2019. Bị cáo bị tạm giữ ngày 28-4-2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Nguyễn Hồng Q; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 0x tháng 1x năm 195x tại tỉnh BG; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố PY, phường NP, thành phố YB, tỉnh YB; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 0x/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 193x; vợ: Tống Thị T, sinh năm 195x; con: Có 02 con, lớn sinh năm 198x (đã chết), nhỏ sinh năm 198x; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù giam nhưng cho hưởng án treo về tội Mua bán trái phép chất nỏ, thời gian thử thách là 04 năm theo bản án số 21/HSST ngày 22-5-1996. Năm 2005, bị Công an thành phố Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 65 CSĐT ngày 21-4-2005. Năm 2007, bị đưa vào Trung tâm cai nghiện và lao động tỉnh Yên Bái thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 10-4-2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Năm 2010, bị đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục- lao động xã hội tỉnh Yên Bái thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 1510/QĐ-UBND ngày 08-6-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Bị cáo bị tạm giữ ngày 28-4-2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phạm Mỹ V, sinh năm: 196x, địa chỉ: Tổ x, phường YN, thành phố YB, tỉnh YB. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Mạnh Q1, sinh năm: 198x, địa chỉ: Tổ dân phố số x, đường MN, phường TM, quận NTL, thành phố HN. Có mặt.

** Người làm chứng:* Anh Trần Anh T1, sinh năm 198x, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:* Ông Dương Phan H, sinh năm 196x, địa chỉ: Tổ dân phố HP1, phường HH, thành phố YB, tỉnh YB. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc D và Nguyễn Hồng Q là các đối tượng nghiện chất ma túy. Vì mục đích kiếm lời nên D đã mua ma túy về để sử dụng và 02 lần bán ma túy cho Q, cụ thể như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24-4-2022, tại khu vực “xóm bụi” thuộc tổ dân phố HP, phường HH, thành phố YB, D mua được của một người đàn ông không quen biết được một gói ma túy loại heroine với giá 1.000.000 đồng mục đích vừa để sử dụng dần, vừa để bán nếu có người hỏi mua. Trong các ngày 27-4-2022 và ngày 28-4-2022, D đã bán cho Q 03 gói ma túy:

Lần thứ nhất: Khoảng 9 giờ ngày 27-4-2022, D bán cho Q 02 gói ma túy với giá 200.000 đồng/gói, được 400.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 28-4-2022, D bán cho Q 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Cả hai lần Q đều gọi trước vào điện thoại di động Nokia của D có số thuê bao 0969.971.xxx, vị trí D nhận tiền của Q là ở khu vực phòng khách nhà D, vị trí Q nhận ma túy của D ở khu vực đầu ngõ cách nhà D khoảng 5m. Các gói ma túy đều được gói bằng giấy bạc một mặt màu trắng, một mặt màu vàng.

Đối với Nguyễn Hồng Q: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, Q đã 02 lần mua ma túy của D, trong đó 01 lần góp tiền với Trần Anh T1 mua ma túy về cùng sử dụng và 01 lần mua hộ ma túy cho T1 để được hưởng lợi từ việc sử dụng, cụ thể:

Khoảng 9 giờ ngày 27-4-2022, Trần Anh T1 đến nhà Q đập gạch hộ, sau đó rủ Q góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng, Q đồng ý, mỗi người góp 200.000 đồng, được 400.000 đồng. Q cầm tiền rồi chở T1 bằng xe mô tô biển kiểm soát 21BA-012.xx đến khu vực vườn hoa gần sân vận động thành phố thì bảo T1 đứng chờ, còn Q đi một mình vào nhà D mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, Q đưa cho T1 01 gói, Q cầm 01 gói rồi điều khiển xe chở T1 ra khu vực gầm cầu Yên Bái. Tại đây, Q sử dụng hết gói ma túy của mình bằng hình thức hít, T1 sử dụng gói ma túy của T1 bằng hình thức chích trực tiếp vào cơ thể, sau đó Q chở T1 đi về.

Khoảng 9 giờ ngày 28-4-2022, T1 đưa cho Q 200.000 đồng nhờ Q mua hộ ma túy. Q cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21BA-012.52 chở T1 đến khu vực vườn hoa gần sân vận động thành phố rồi bảo T1 đứng chờ, còn Q đi một mình vào nhà D mua ma túy nhưng do lúc này D không có nhà nên Q gọi điện bảo T1 về trước để Q ở lại chờ D. Sau khi mua được ma túy từ D, Q cầm ra khu vực sau sân vận động thành phố Yên Bái sử dụng luôn $\frac{1}{2}$ gói ma túy, sau đó gói lại như cũ và dùng một tờ giấy ăn màu vàng gói lại mục đích mang về đưa cho T1. Khi đang trên đường về thì bị Công an thành phố Yên Bái phát hiện, bắt giữ.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Hồng Q gồm: 01 gói giấy màu vàng loại giấy ăn, bên trong có 01 gói giấy loại giấy bạc một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bên trong có chất chứa nghi là ma túy (tại T1i quần phía sau, bên

phải Q đang mặc); 01 căn cước công dân tên Nguyễn Hồng Q; 01 ví giả da màu nâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số thuê bao 0979.820.xxx và 52.000 đồng; 01 xe mô tô kiểu dáng Super Cub, ghi chữ DETECH trên lốc máy, biển kiểm soát 21BA-012.xx.

Căn cứ vào lời khai nhận của Q, cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Ngọc D vào hồi 12 giờ 45 phút ngày 28-4-2022 và thu giữ: 01 gói giấy bạc một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bên trong có chất nghi là ma túy (tại T1i quần bò phía trước, bên phải D đang mặc); 01 mảnh giấy bạc một mặt màu vàng, một mặt màu trắng để ở bàn uống nước trong phòng khách, trên mặt giấy có chất nghi là ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ phía sau màu xanh đã bị nứt vỡ số thuê bao 0985.182.xxx và 0945.514.xxx; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số thuê bao 0869.971.xxx; 01 mảnh giấy bạc màu trắng cả hai mặt đều bị đốt đen; 01 bật lửa ga màu vàng; 01 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 ví giả da màu đen; 01 căn cước công dân tên Phạm Ngọc D và số tiền 240.000 đồng.

Tại thời điểm khám xét tại nhà Phạm Ngọc D có mặt Phạm Mỹ V. V khai nhận: Bản thân là đối tượng sử dụng ma túy, chơi với D từ lâu. Khoảng 11 giờ ngày 28-4-2022, V đến nhà D để lấy tiền V mua đồ gia dụng hộ D. Tại khu vực phòng khách nhà D, sau khi mời V uống nước, D đi lấy tiền để trả cho V, thấy trên mặt bàn phòng khách có để sẵn 01 tờ giấy bạc bên trong có chứa ma túy loại heroine, 01 tờ giấy bạc đã đốt dở và 01 bật lửa ga màu vàng, V biết là ma túy D đang dùng dở nên tự ý lấy sử dụng một hơi (D không biết việc V sử dụng ma túy của D). Khi V sử dụng xong thì D cầm tiền ra trả cho V, ngay sau đó bị cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái thi hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D và đưa V về trụ sở làm việc, tạm giữ của V số tiền 650.000 đồng là tiền D vừa trả cho V.

Tại Bản kết luận giám định số: 228/ KL-KTHS ngày 04-5-2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

Chất bột nén màu trắng thu giữ khi kiểm tra Nguyễn Hồng Q có khối lượng là 0,02 gam, là ma túy, loại heroin.

Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét Phạm Ngọc D trong gói giấy bạc một mặt màu vàng, một mặt màu trắng thứ nhất có khối lượng là 0,8 gam, là ma túy, loại heroin.

Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét Phạm Ngọc D trong gói giấy bạc một mặt màu vàng, một mặt màu trắng thứ hai có khối lượng là 0,01 gam, là ma túy, loại heroin.

Cáo trạng số 37/CT-VKSTP ngày 04-7-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố Phạm Ngọc D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Hồng Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc D và Nguyễn Hồng Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D từ 08 năm tù đến 09 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, không tranh luận gì và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng thu giữ của vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi hai lần bán trái phép ma túy cho Q vào các ngày 27-4-2022 và ngày 28-4-2022 của Phạm Ngọc D và hành vi mua hộ ma túy cho T1 để được hưởng lợi

bằng việc sử dụng ma túy ngày 28-4-2022 của Nguyễn Hồng Q đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Phạm Ngọc D theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Q theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, đây là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi của bản thân nhưng lười lao động, không có nghề nghiệp và nghiện ma túy dẫn đến phạm tội.

Về nhân thân, tiền án, tiền sự các bị cáo:

Bị cáo Phạm Ngọc D chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có 03 tiền án và 01 tiền sự (đều đã được xóa) về các hành vi Cố ý gây thương tích (năm 1989); Tổ chức dùng chất ma túy và Trộm cắp tài sản công dân (năm 1995); Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (năm 2000) và xâm hại đến sức khỏe người khác (năm 2019).

Bị cáo Nguyễn Hồng Q có 01 tiền án và 03 tiền sự (đều đã được xóa) về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy (năm 1996); Sử dụng trái phép chất ma túy (năm 2007) và 02 lần bị đưa vào Trung tâm cai nghiện và lao động tỉnh Yên Bái (năm 2007), Trung tâm chữa bệnh, giáo dục- lao động xã hội tỉnh Yên Bái (năm 2010).

Các bị cáo đã từng bị xét xử và áp dụng biện pháp xử lý hành chính, xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm có liên quan đến ma túy nhưng không lấy đây làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của mỗi bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, do đó cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Ngọc D và Nguyễn Hồng Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là những người nghiện ma túy, không có việc làm, tài sản, thu nhập, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình

phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Đối với Phạm Mỹ V là người đã tự ý sử dụng ma túy của D mà D không biết; Trần Anh T1 là đối tượng nghiện ma túy đã 01 lần góp tiền cùng Q mua ma túy sử dụng, 01 lần nhờ Q mua hộ ma túy. T1 không biết, không đồng ý để Q sử dụng ½ gói ma túy mua được từ tiền của T1. Do vậy, cơ quan điều tra công an thành phố Yên Bái đã xử phạt vi phạm hành chính đối với V và T1 là phù hợp.

Đối với người bán ma túy cho D, do D không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không đủ căn cứ để điều tra làm rõ là phù hợp.

[6] Về vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Q và khám xét tại nơi ở của bị cáo D, cơ quan điều tra đã sử dụng giám định hết 0,12 gam nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn lại 0,71 gam ma túy loại heroine được niêm phong (sau khi đã trích mẫu giám định) cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với các tài sản, đồ vật thu giữ khi kiểm tra bị cáo Q gồm:

- 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Super Cub, có ghi chữ DETECH trên lốc máy, biển kiểm soát 21BA-012.xx thu giữ của bị cáo Q, quá trình điều tra xác định đó là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Mạnh Q1 (con trai của bị cáo Q). Anh Q1 không biết mục đích sử dụng xe, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Hồng Q và đề nghị được nhận lại chiếc xe. Xét đề nghị của anh Q1 là chính đáng và phù hợp với quy định pháp luật nên cần trả lại chiếc xe mô tô cho anh Q1.

- 01 căn cước công dân tên Nguyễn Hồng Q, 01 ví giả da màu nâu, số tiền 52.000 đồng: Quá trình điều tra đã xác định đó là tài sản hợp pháp của Q, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số thuê bao 0979.820.xxx: Bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy với D, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với các tài sản, đồ vật thu giữ khi khám xét bị cáo D gồm:

- 01 căn cước công dân tên Phạm Ngọc D, 01 ví giả da màu đen, số tiền 240.000 đồng: Quá trình điều tra đã xác định đó là tài sản hợp pháp của D, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- 02 chiếc điện thoại di động, trong đó chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số thuê bao 0869.971.xxx bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy với Q, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ phía sau màu xanh, màn hình cảm ứng đã bị vỡ, nứt lắp

hai sim có số thuê bao 0985.182.xxx và 0945.514.xxx, là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 650.000 đồng tạm giữ của Phạm Mỹ V, xét không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho V.

Đối với 05 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói; 01 mảnh giấy bạc màu trắng cả hai mặt đã bị đốt đen; 01 bật lửa ga màu vàng đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc màu trắng. Xét đây là các tài sản, đồ vật có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Phạm Ngọc D bán ma túy cho Nguyễn Hồng Q thu được số tiền 600.000 đồng nhưng đã sử dụng hết, cần truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D và Nguyễn Hồng Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28-4-2022.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28-4-2022.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 0,71 gam ma túy thu giữ của bị cáo Phạm Ngọc D được niêm phong trong 01 phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Yên Bái phát hành, mặt trước có ghi: Vật chứng thu giữ của Phạm Ngọc D ngày 28/4/2022 tại phường HH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (sau khi đã trích mẫu giám định). Mặt sau phong

bì các mép được dán kín và có họ tên, chữ ký của Nguyễn Hồng Q, Phạm Mỹ V, Trần Xuân Ngọc, Phạm Ngọc D, Đỗ Thị Bích T1, Trần Văn Hiền, Trần Nhật Tân và đóng 04 (bốn) hình dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Yên Bái.

- 05 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói; 01 mảnh giấy bạc màu trắng cả hai mặt đã bị đốt đen; 01 bật lửa ga màu vàng đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc màu trắng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng- trắng, mặt sau có chữ OPPO, lắp sim số 0979.820.xxx của bị cáo Nguyễn Hồng Q.

- 01 điện thoại NOKIA màu đen loại bàn phím có số Sêri 1: 3572.8908.2545.7x6, lắp sim số 0869.971.2x1 của bị cáo Phạm Ngọc D.

3.3 Trả lại cho:

- Bị cáo Phạm Ngọc D: Số tiền 240.000 đồng được niêm phong trong một phong bì, mặt trước phong bì ghi: Tiền thu giữ khi khám xét Phạm Ngọc D, ngày 28/4/2022 (sau khi giám định); 01 căn cước công dân số: 015.070.00x.x26 mang tên Phạm Ngọc D; 01 ví giả da màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại OPPO vỏ phía sau màu xanh, màn hình cảm ứng đã bị vỡ, nứt lắp hai sim có số thuê bao: 0985.182.xxx và 0945.514.xxx

- Bị cáo Nguyễn Hồng Q: Số tiền 52.000 đồng được niêm phong trong một phong bì mặt trước ghi: Tiền thu giữ khi kiểm tra Nguyễn Hồng Q ngày 28/4/2022 (sau khi giám định); 01 căn cước công dân số: 024.058.005.95x mang tên Nguyễn Hồng Q; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng.

- Anh Nguyễn Mạnh Q1: 01 xe mô tô đã qua sử dụng, kiểu dáng Super Cub, có ghi chữ DETECH trên lốc máy, xe màu xanh- trắng gắn kiểm soát: 21BA – 012.52.

- Anh Phạm Mỹ V: Số tiền 650.000 đồng được niêm phong trong một phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Yên Bái phát hành, mặt trước phong bì ghi: Tiền tạm giữ của Phạm Mỹ V khi kiểm tra ngày 28/4/2022 (sau khi giám định).

3.4. Truy thu của bị cáo Phạm Ngọc D số tiền 600.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-7-2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mạnh Q1 được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Mỹ V vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP,
- Công an TP; HSNV;
- Nhà tạm giữ Công an TP;
- Chi cục THADS TP;
- Bị cáo (2);
- Người có QL, NVLQ (2);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tạ Thị Kim Anh